

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết định giao dự toán chi  
ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT chuyên Chu Văn An**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN**

Căn cứ Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 3228/QĐ-SGDĐT ngày 18/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT chuyên Chu Văn An theo Quyết định số 3228/QĐ-SGDĐT ngày 18/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (văn bản đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Thị Nhiếp**



Số: 3228 /QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026

#### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; dự toán thu, chi ngân sách; biên chế hành chính, sự nghiệp; khoa học và công nghệ năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, tổng số tiền là 4.328.704.715.000 đồng (Số tiền bằng chữ: Bốn nghìn ba trăm hai mươi tám tỷ, bảy trăm linh tư triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng), chi tiết theo các phụ lục kèm theo.

Đối với 29 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, kinh phí được giao tại Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội ở phần dự toán kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên. Ngày 03/12/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo có Quyết định số 3085/QĐ-SGDĐT về việc giao giao quyền tự chủ tài chính cho 30 cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2026-2030 (trong đó có 29 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên); vì vậy Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho 29 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên ở phần dự toán kinh phí nhiệm vụ thường xuyên.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng có liên quan của Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực I;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC. *th*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phạm Quốc Toàn**



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026****Đơn vị: Trường THPT chuyên Chu Văn An****Chương 422 Loại 070 Khoản 074****Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1058611***(Kèm theo Quyết định số 3228 /QĐ-SGDĐT ngày 18 / 12 / 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: nghìn đồng.*

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                    | SỐ TIỀN                               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>I. Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                                                                                                                                                                    | <b>68.173.494</b>                     |
| <b>1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo</b>                                                                                                                                                                                                                 | <b>68.173.494</b>                     |
| <b>a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                                                                                                                                                                                                                    | <b>57.277.008</b>                     |
| * Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt                                                                                                                                                                 | -                                     |
| * Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                                                                                           | 52.813.535                            |
| - Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng 8 tháng đầu năm 2026                                                                                                                                                                                                 | 34.421.113                            |
| - Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng 4 tháng cuối năm 2026                                                                                                                                                                                                | 18.392.422                            |
| * Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (2)                                                                                                                | 4.463.473                             |
| * Học bổng Học sinh thông dân tộc nội trú                                                                                                                                                                                                                   | -                                     |
| <b>b. Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                                                                                                                                                                                                              | <b>10.896.486</b>                     |
| - Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương (3)                                                                                                                                                                                 | -                                     |
| - Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung Quỹ tiền thưởng (4)                                                                                                                                                                                                  | -                                     |
| - Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; học bổng cho người khuyết tật                                                                                                                  | 1.350                                 |
| - Kinh phí học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trung học phổ thông chuyên trong các trường chuyên                                                                                                                                                | 10.895.136                            |
| - Kinh phí xây dựng, chỉnh sửa chương trình, giáo trình                                                                                                                                                                                                     | -                                     |
| - Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện Chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố                                      | -                                     |
| - Hoạt động tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh GDNN và tham gia ngày hội gắn kết Giáo dục nghề nghiệp Thủ đô với thị trường lao động                                                                                                                           | -                                     |
| - Kinh phí xây dựng Học liệu số trong các trường trung cấp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                                                                | -                                     |
| - Kinh phí thực hiện cơ chế hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học                                                                                                                                                                                     | -                                     |
| - Kinh phí hỗ trợ học phí theo quy định của Chính phủ và Thành phố (5)                                                                                                                                                                                      | -                                     |
| - Tài sản, trang thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ (thực hiện theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị của cấp có thẩm quyền quyết) (6) | -                                     |
| - Chi cải tạo, sửa chữa các công trình (7)                                                                                                                                                                                                                  | -                                     |
| Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch                                                                                                                                                                                                     | Phòng giao dịch số 9 - KBNN khu vực I |

**Ghi chú:**

(1) Dự toán giao năm 2026 đã tiết kiệm 10% để dành cải cách tiền lương và 10% để bổ sung nguồn an sinh xã hội theo quy định.

(2) (5) Thực hiện theo quy định của Trung ương và Thành phố.

(3) Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương từ mức lương cơ ở 1,49 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng sau khi sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo chế độ quy định của cơ quan, đơn vị (nếu có).

(4) Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện quỹ tiền thưởng sau khi sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo chế độ quy định của cơ quan, đơn vị (nếu có).

(6) (7) Có danh mục chi tiết kèm theo.